

Số: /BTNMT-TCMT

V/v chủ đề Báo cáo và cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2022

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện quy định tại Điều 120 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong đó “Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 05 năm một lần; hằng năm lập báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia”. Căn cứ các vấn đề môi trường nổi cộm, bức xúc và nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng, Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn chủ đề Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2022 là: **“Môi trường nông thôn – Thực trạng và giải pháp”**.

1. Đề Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2022 đảm bảo chất lượng và đầy đủ nội dung theo quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị quý Ủy ban chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổng hợp thông tin, số liệu về môi trường nông thôn; thực trạng quản lý môi trường nông thôn thời gian qua tại địa phương (nội dung theo Phụ lục kèm theo) và gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. Căn cứ Điều 120 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và thực tế các vấn đề nổi cộm về môi trường tại địa phương, đề nghị quý Ủy ban chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan lập Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2022 (phương pháp thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường) và gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Địa chỉ nhận các Báo cáo: Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Quản lý chất lượng môi trường, Tổng cục Môi trường), số 10 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội; điện thoại: 0243.7956868/3216 và gửi file mềm theo thư điện tử: thhanh@vea.gov.vn/ và dpquynh@monre.gov.vn/.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu VT, TCMT (70).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC: THÔNG TIN, SỐ LIỆU
PHỤC VỤ XÂY DỰNG BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA NĂM 2022
“Môi trường nông thôn – Thực trạng và giải pháp”
(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Tổng quan phát triển nông thôn tại địa phương

- Dân số/tỷ lệ dân số nông thôn trên địa bàn;
- Mức thu nhập bình quân của người dân nông thôn;
- Các hoạt động chính, đặc trưng góp phần phát triển kinh tế nông thôn tại địa phương (trồng trọt: trồng lúa/hoa màu/khác; chăn nuôi: gia súc/ gia cầm/khác; nuôi trồng thủy sản; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp...);
- Tỷ trọng giữa các lĩnh vực phát triển kinh tế nông thôn;
- Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;
- Các mô hình kinh tế nổi trội trong giai đoạn vừa qua (mô hình chuyên đổi phương thức canh tác nông nghiệp; hình thành hợp tác xã liên kết sản xuất; nuôi trồng thủy sản luân canh, xen canh, mô hình tôm - lúa; các mô hình nông nghiệp công nghệ cao; mô hình du lịch cộng đồng...);
- Xu thế phát triển kinh tế nông thôn: dịch chuyển cơ cấu kinh tế; các ngành nghề sản xuất trọng tâm (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...) trong giai đoạn vừa qua và dự báo cho 5 năm tiếp theo;
- Phân tích các sức ép, nguy cơ tác động đến chất lượng môi trường nông thôn từ các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội và các diễn biến tự nhiên khác (như biến đổi khí hậu, ô nhiễm xuyên biên giới, thay đổi mực nước biển hoặc thoái hóa, hoang mạc hóa đất nông nghiệp...).

II. Hiện trạng môi trường nông thôn tại địa phương

- Tổng hợp, đánh giá các nguồn phát thải chính, bao gồm:
 - + Thống kê nguồn gây ô nhiễm; loại và lượng chất thải: từ sản xuất (tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; khai thác khoáng sản; trồng trọt; chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản...); sinh hoạt; các nguồn tự nhiên và nhân tạo khác,... (có biểu thống kê số lượng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung, khu nuôi trồng thủy sản tập trung, khu vực khai thác khoáng sản...);
 - + Số liệu về đốt sinh khối tại địa phương; số liệu về sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa chất; các bể đưng bao bì hóa chất bảo vệ thực vật được xây dựng và công tác thu gom; tình hình đầu tư các công trình khí sinh học hoặc việc sử dụng/tái sử dụng chất thải chăn nuôi trên địa bàn; thống kê khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh và các biện pháp xử lý (nếu có)...
- Đánh giá hiện trạng và phân tích xu thế chất lượng môi trường ở khu vực nông thôn (môi trường đất, môi trường nước mặt tại các khu vực công cộng,

kênh rạch, sông suối, ao hồ,...); môi trường không khí; chất lượng môi trường nước biển ven bờ (đối với vùng nông thôn ven biển); chất thải rắn tại nông thôn (tình hình phát sinh, công tác phân loại, thu gom và xử lý);

- Các điểm nóng/vấn đề nổi cộm liên quan đến ô nhiễm môi trường nông thôn trên địa bàn.

- Các tài liệu: Các báo cáo kết quả quan trắc định kỳ các năm; các báo cáo về công tác bảo vệ môi trường lĩnh vực nông nghiệp nông thôn của địa phương.

III. Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nông thôn

- Nguyên nhân khách quan từ các yếu tố khí tượng, thời tiết, khí hậu theo mùa, các vấn đề ô nhiễm xuyên biên giới (nếu có)...

- Nguyên nhân chủ quan từ hoạt động phát triển kinh tế xã hội, phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường nông thôn;

- Các tác động về sức khỏe, môi trường, xã hội do ô nhiễm môi trường nông thôn trên địa bàn.

IV. Công tác quản lý và giải pháp BVMT nông thôn tại địa phương

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, quyết định, đề án, các chính sách đặc thù về bảo vệ môi trường nông thôn;

Các giải pháp/công cụ quản lý môi trường nông thôn mà địa phương đang triển khai, bao gồm: công tác ban hành các quy định của địa phương, quy chuẩn địa phương về bảo vệ môi trường nông thôn, phê duyệt và thực hiện đánh giá tác động môi trường dự án phát triển nông thôn, công tác quan trắc môi trường nông thôn; thanh tra kiểm tra công tác BVMT nông thôn; kiểm soát ô nhiễm do hóa chất tồn lưu/thuốc BVTV; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường nông thôn...

- Đánh giá kết quả quản lý môi trường nông thôn trên địa bàn:

- + Kết quả triển khai thực hiện thể chế, chính sách, các giải pháp quản lý môi trường nông thôn tại địa phương;

- + Kết quả quan trắc môi trường nông thôn;

- + Kết quả thanh tra, kiểm tra...

- Kết quả công tác phân công, phối hợp giữa các cấp, các ngành tại địa phương để triển khai thực hiện trách nhiệm quản lý môi trường nông thôn (các Sở, UBND các cấp, BQL các khu kinh tế, khu công nghiệp...);

- Hiện trạng và kết quả thực hiện công tác phối hợp giữa các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương trong BVMT (Mặt trận tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã...);

- Cơ chế phối hợp, chia sẻ, công khai thông tin, dữ liệu môi trường nông thôn và vai trò của các bên liên quan tại địa phương;

- Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý môi trường nông thôn.

V. Đề xuất, kiến nghị của địa phương (với Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, đặc biệt là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường...) nhằm kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường nông thôn và tăng cường công tác quản lý môi trường nông thôn.